

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/5/2021.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Châu Thị Hồng P**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Số 4, xã Mỹ Thuận, huyện huyện HĐ, tỉnh KG..

2/ Bị đơn: Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Số 4, xã Mỹ Thuận, huyện huyện HĐ, tỉnh KG..

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Châu Thị Hồng P trình bày như sau:**

- Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu thì chị Châu Thị Hồng P và anh Lê Văn N kết hôn với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 16/9/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên bắt đầu từ đầu năm 2018 thì giữa vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không lo lắng làm ăn, không lo cho gia đình, thường xuyên cờ bạc nên dẫn đến việc vợ chồng hay cự cãi, bất hòa. Chị P nhiều lần đã khuyên can nhưng anh N không thay đổi, từ đó chị và anh N đã ly thân với nhau hơn gần 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị P xác nhận chị và anh N có hai người con chung tên Lê Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 18/8/2010 và Lê Thành Đạt, sinh ngày 26/02/2017. Hiện các con đang sống với chị P, ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị P xác định quá trình chung sống chị và anh N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P xác định quá trình chung sống chị và anh N không có nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Lê Văn N*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N, tuy nhiên anh N không đến Tòa án để làm việc và thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh N trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn chị Châu Thị Hồng P yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn N. Anh N cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị P và anh N kết hôn với nhau vào năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2009 như vậy hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo lời khai của chị P trình bày trong quá trình chung sống giữa chị và anh N có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh N không lo lắng cho gia đình nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hiện tại chị P và anh N đã ly thân với nhau, hiện anh chị không còn liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh N.

Xét thấy do bất đồng quan điểm sống nên trong quá trình chung sống chị P và anh N thường xuyên bất hòa dẫn đến việc anh chị đã ly thân với nhau, hiện anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh N nhiều lần nhằm mục đích hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị P nhưng anh N không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh N cũng không muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị P và anh N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị P xác định trong quá trình chung sống chị và anh N có với nhau hai người con chung tên Lê Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 18/8/2010 và Lê Thành Đạt, sinh ngày 26/02/2017. Ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy chị P đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, các con được chị P chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp các cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P trình bày có đủ khả năng để nuôi dưỡng hai con chung nên không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó HĐXX không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị P xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Chị P xác nhận không có nợ ại, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Châu Thị Hồng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chị Châu Thị Hồng P được ly hôn với anh Lê Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 16/9/2009 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp cho anh Lê Văn N và chị Châu Thị Hồng P không còn có giá trị pháp lý.

2/. Về con chung : Giao cháu Lê Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 18/8/2010 và Lê Thành Đạt, sinh ngày 26/02/2017 cho chị Châu Thị Hồng P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu.

Anh Lê Văn N có quyền được thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Châu Thị Hồng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002607 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị P không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An